TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v tranh chấp 'Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C (viết tắt: NHCSXH).

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán Đảo Linh Đàm, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc Ngân hàng C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thế H – Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C chi nhánh huyện N

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Trọng K, sinh năm 1973 và bà Trần Thị C, sinh năm 1973 (vợ ông K).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

(*Ông H, vợ chồng ông K và bà C vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện của Ngân hàng C trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C (người thừa kế) với Phòng giao dịch NHCSXH huyện Năm Căn, Theo đó ông K và bà C đã vay vốn tại NHCSXH gồm các khoản như sau:

Khế ước số 6600000709671846 với số tiền vay 30.000.000 đồng, ngày vay 12/03/2017, hạn trả 12/3/2021, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0.89375%/tháng. Số tiền còn nợ gốc đến ngày 12/10/2020 là 30.000.000 đồng, tiền lãi 5.352.000 đồng.

Khế ước số 6600000713792063 với số tiền vay 20.000.000 đồng, ngày vay 28/9/2018, hạn trả 12/9/2023, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0.89375%/tháng. Số tiền còn nợ gốc đến ngày 12/10/2020 là 20.000.000 đồng, tiền lãi 3.120.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông K và bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho NHCSXH, vợ chồng ông K, bà C không thực hiện trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi vay cho NHCSXH theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay NHCSXH yêu cầu vợ chồng ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, tiền lãi bằng 8.472.000 đồng, tổng cộng là 58.472.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày khởi kiện đến thời điểm tất toán món nợ.

Ngày 05/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhận được Tờ khai của NHCSXH Phòng giao dịch huyện N với nội dung:

Số tiền lãi đã phát sinh thay đổi nên NHCSXH báo cáo tình trạng nợ đến thời điểm ngày 06/4/2021 như sau:

Khế ước vay tiền 6600000709671846 với số tiền vay gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 6.574.400 đồng.

Khế ước vay tiền 6600000713792063 với số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 3.908.000 đồng.

Tổng cộng vốn vay và lãi suất là 60.438.300 đồng (lãi tính đến ngày 06/4/2021).

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C:*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông K và bà C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc NHCSXH khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vợ chồng ông K và bà C vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Dương Thế H - Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt.

- Vợ chồng ông Lê Trọng K, bà Trần Thị C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng ông Lê Trọng K, bà Trần Thị C thanh toán tiền vay gốc và lãi suất còn nợ trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay*

tài sản", vợ chồng ông K, bà C cư trú tại Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngân hàng C có yêu cầu vắng mặt phiên xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với NHCSXH.

Đối với vợ chồng ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử vụ án lần 2 mà các đương sự vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt vợ chồng ông K và bà C.

[2]. Về nội dung vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của NHCSXH.

* Xét hợp đồng tín dụng:

Ngày 10/3/2017, ông Lê Trọng K đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước vay tiền 6600000709671846 với số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay thả tôm giống và cải tạo ao, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền, ký tên vào khế ước nhận nợ ngày 12/03/2017, hạn trả 12/3/2021, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Phương thức thanh toán trả nợ gốc và lãi 06 tháng/lần.

Ngày 20/9/2018, ông Lê Trọng K đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước vay tiền 6600000713792063 với số tiền vay 20.000.000 đồng, mục đích vay thả tôm giống và cải tạo vuông, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày bên vay nhận tiền và ký tên vào khế ước nhận nợ ngày 28/9/2018, hạn trả 12/9/2023, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Phương thức thanh toán trả nợ gốc và lãi 06 tháng/lần.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông K số tiền vốn vay 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ nêu trên. Tại Biên bản (về việc người được tống đạt từ chối nhận văn bản tố tụng) vợ chồng ông K và bà C trình bày: Thừa nhận có nợ nhưng do khoảng 08 tháng nay bên Ngân hàng không đến thu lãi nên ông cũng không nhớ ngày đóng lãi chứ không phải không trả, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước vay tiền 6600000709671846 ký ngày 10/03/2017 và khế ước vay tiền 6600000713792063 ký ngày 20/9/2018 giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

* Xét về yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng phía NHCSXH xác định vợ chồng ông K và bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho NHCSXH, vợ chồng ông K và bà C không thực hiện trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi vay cho NHCSXH theo hợp đồng tín dụng đã ký, nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông K và bà C thanh toán tổng số tiền vốn vay và lãi suất là 60.438.300 đồng (lãi tính đến ngày 06/4/2021). Trong hồ sơ vay vốn với Ngân hàng, bà C có giấy ủy quyền cho ông K làm người đại diện Hộ gia đình (hộ mới thoát nghèo) thực hiện các giao dịch với

NHCSXH, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông K và bà C cho rằng khoảng 08 tháng nay bên Ngân hàng không đến thu lãi nên ông cũng không nhớ ngày đóng lãi chứ không phải không trả, lời trình bày này là không có cơ sở bởi lẽ một trong hai khoản vay nêu trên đã đến hạn trả mà ông bà vẫn không thanh toán cho Ngân hàng, hàng tháng Ngân hàng đều có gửi văn bản về Tổ vay vốn ở địa phương để thông báo cho khách hàng nhằm thu hồi vốn và lãi vay. Phía ông K, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh là NHCSXH không đến thu lãi, do đó ông K, bà C phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được và Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Xét thấy, vợ chồng ông K và bà C đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và nợ lãi, vì vậy vợ chồng ông K, bà C phải thanh khoản nợ gốc cho phía NHCSXH là 50.000.000 đồng, lãi suất với số tiền 10.438.300 đồng. Vậy tổng số tiền vay và lãi mà vợ chồng ông K và bà C phải thanh toán cho NHCSXH là 60.438.300 đồng, lãi tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2021 là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NHCSXH cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho NHCSXH cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

* *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Do yêu cầu khởi kiện của NHCSXH được chấp nhận nên vợ chồng ông K và bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. NHCSXH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc vợ chồng ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng C (NHCSXH) số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2021 bằng 10.438.300 đồng. Tổng cộng là 60.438.300 đồng (*sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Vợ chồng ông Lê Trọng K và bà Trần Thị C phải chịu án phí với số tiền 3.022.000 đồng (tính tròn).

Ngân hàng Ckhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền